

# **Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực là công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 06 năm 2018 theo Giấy phép số 43/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tên tiếng anh: UNITED CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: UNICAP

Trụ sở chính: Tầng 14, Daeha Business Center, 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lã Quý Hiển	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2018
Ông Lưu Đức Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2018
Ông Chu Tiến Vượng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2018
Ông Bùi Hồng Hải	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2017
Bà Huỳnh Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2017
Ông Hoàng Anh Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2018
Ông Lê Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2018

### KIỂM SOÁT NỘI BỘ

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Ba	Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Như Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 09 năm 2017

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Mỹ Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2017
Ông Lưu Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2018
Bà Phạm Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Ba	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trước ngày 14 tháng 6 năm 2018 là Ông Nguyễn Tiến Đức, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Từ ngày 14 tháng 6 năm 2018, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lã Quý Hiển, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết số 70.05/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Quản lý Quỹ Hợp Lực. Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi người đại diện pháp luật theo quy định vào ngày 14 tháng 6 năm 2018 theo Giấy phép số 43/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực ("Công ty") phê duyệt báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính kèm theo. Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Lê Quý Hiền  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Số tham chiếu: 61440502/20408528

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





# EY

Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 16 tháng 1 năm 2018.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2018-004-1

  
Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0761-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>36.452.738.578</b>	<b>66.698.763.223</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>28.439.809.101</b>	<b>43.271.729.166</b>
111	1. Tiền		28.439.809.101	43.271.729.166
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Các đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>6.966.000.000</b>	<b>22.905.369.536</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		22.905.369.536	22.905.369.536
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.939.369.536)	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>976.905.573</b>	<b>476.074.521</b>
132	1. Trả trước cho người bán	6	-	15.393.000
135	2. Các khoản phải thu khác	7	976.905.573	460.681.521
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>70.023.904</b>	<b>45.590.000</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11a	70.023.904	45.590.000
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.730.953.995</b>	<b>519.495.801</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	-	-
222	- Nguyên giá		763.317.640	763.317.640
223	- Giá trị khấu hao lũy kế		(763.317.640)	(763.317.640)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		249.881.565	249.881.565
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(249.881.565)	(249.881.565)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>3.550.000.000</b>	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác	10	3.550.000.000	-
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.180.953.995</b>	<b>519.495.801</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11b	1.180.953.995	519.495.801
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>41.183.692.573</b>	<b>67.218.259.024</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.172.080.060</b>	<b>3.307.715.486</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.172.080.060</b>	<b>3.307.715.486</b>
311	1. Phải trả người bán	13	846.803.000	2.429.118.993
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		9.512.280	15.690.087
315	3. Phải trả người lao động		281.649.660	835.000.000
316	4. Chi phí phải trả		2.750.000	-
319	5. Phải trả phải nộp khác	14	31.365.120	27.906.406
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>12</b>	<b>40.011.612.513</b>	<b>63.910.543.538</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(59.988.387.487)	(36.089.456.462)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>41.183.692.573</b>	<b>67.218.259.024</b>

Người lập biểu



Bà Phạm Thị Ngọc Hà  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người phê duyệt



Ông Lê Quý Hiền  
 Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh		-	-
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		-	-
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn dịch vụ cung cấp		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	8.165.467	81.314.456
22	7. Chi phí tài chính	16	15.940.382.036	840.955.247
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	7.921.684.210	5.679.265.562
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.853.900.779)	(6.438.906.353)
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		45.030.246	145.550.011
40	12. Lỗ khác	18	(45.030.246)	(145.550.011)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(23.898.931.025)	(6.584.456.364)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(23.898.931.025)	(6.584.456.364)
70	16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	19	(2.390)	(1.498)

Người lập biểu



Bà Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người phê duyệt



Ông Lê Quý Hiền  
Chủ tịch HĐQT

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(23.898.931.025)</b>	<b>(6.584.456.364)</b>
2	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
3	- Khấu hao tài sản cố định		-	51.062.500
5	- Các khoản chi phí dự phòng (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư		15.939.369.536	-
8	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(7.959.561.489)</b>	<b>(6.454.478.679)</b>
9	- Tăng các khoản phải thu		(500.831.052)	(446.074.521)
11	- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.135.635.426)	3.291.451.957
12	- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(685.892.098)	(557.736.303)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
19	- (Tăng)/Giảm các khoản đầu tư		-	(22.905.369.536)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(11.281.920.065)</b>	<b>(27.072.207.082)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	789.147.727
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.550.000.000)	-
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	- Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.550.000.000)</b>	<b>789.147.727</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		-	60.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	60.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.831.920.065)	33.716.940.645
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	43.271.729.166	9.554.788.521
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	28.439.809.101	43.271.729.166

Người lập biểu



Bà Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019



Ông Lê Quý Hiền  
Chủ tịch HĐQT



Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2017	01/01/2018	Năm 2017		Năm 2018		31/12/2017	31/12/2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	40.000.000.000	100.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	12	(29.505.000.098)	(36.089.456.462)	(6.584.456.364)	(6.584.456.364)	(23.898.931.025)	(36.089.456.462)	(59.988.387.487)	(59.988.387.487)
		10.494.999.902	63.910.543.538	60.000.000.000	(6.584.456.364)	(23.898.931.025)	63.910.543.538	40.011.612.513	40.011.612.513

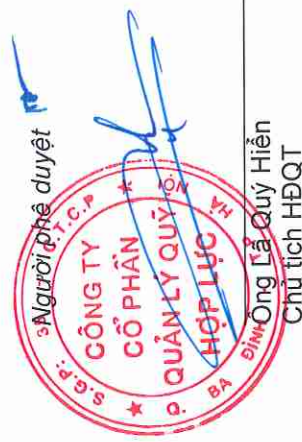
Người lập biểu



Bà Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. CÔNG TY**

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực là công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 06 năm 2018 theo Giấy phép số 43/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 14, Daeha Business Center, 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Bà Đình, Hà Nội.

**Nhân viên**

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Các báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành, đã có hiệu lực nhưng chưa áp dụng**

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Tuy nhiên, hiện chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các công ty quản lý quỹ, do vậy Công ty chưa thực hiện áp dụng các nguyên tắc này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3.3 Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 Đầu tư chứng khoán**

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán tự doanh được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

#### 3.6 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### 3.7 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Tài sản cố định**

Tài sản cố định, bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.10 Khấu hao và hao mòn tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	9 năm
Tài sản cố định vô hình	5 năm

**3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận cho năm tài chính được phân phối theo quyết định của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực và luật hiện hành của Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

**3.14 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>Tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	19.785.490	26.380.098
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và công ty chứng khoán	28.420.023.611	43.245.349.068
	<b>28.439.809.101</b>	<b>43.271.729.166</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				
Công ty CP Xây dựng FLC Faros - ROS (*)	180.000	22.905.369.536	150.000	22.905.369.536
		<b>22.905.369.536</b>		<b>22.905.369.536</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(15.939.369.536)</b>		-
		<b>6.966.000.000</b>		<b>22.905.369.536</b>

(\*) Ngày 07 tháng 05 năm 2018, Công ty CP Xây dựng FLC Faros thực hiện chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%, và đã phát hành cổ tức để trả thưởng trong tháng 5 năm 2018.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-
Trích lập trong năm	15.939.369.536	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.939.369.536</b>	-

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị (VND)	Dự phòng	Giá trị (VND)	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Nhà cung cấp trong nước	-	-	15.393.000	-
	-	-	15.393.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị (VND)	Dự phòng	Giá trị (VND)	Dự phòng
Tạm ứng	575.269.260	-	219.738.200	-
Ký cược, ký quỹ	250.693.321	-	240.943.321	-
Khác	150.942.992	-	-	-
	<b>976.905.573</b>	<b>-</b>	<b>460.681.521</b>	<b>-</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	763.317.640	763.317.640
Tăng trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	763.317.640	763.317.640
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	763.317.640	763.317.640
Tăng trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	763.317.640	763.317.640
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	249.881.565
Tăng trong năm	-
Số dư cuối năm	249.881.565
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	249.881.565
Tăng trong năm	-
Số dư cuối năm	249.881.565
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tên đơn vị	31/12/2018		31/12/2017	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam	17,75	3.550.000.000	-	-

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>70.023.904</b>	<b>45.590.000</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.494.446	22.590.000
Dịch vụ điện toán đám mây	31.725.000	23.000.000
Chi phí thiết kế website	21.000.000	-
Các khoản khác	8.804.458	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.180.953.995</b>	<b>519.495.801</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	316.373.333	507.060.000
Chi phí quảng cáo	847.058.824	-
Các khoản khác	17.521.838	12.435.801
	<b>1.250.977.899</b>	<b>565.085.801</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	40.000.000.000	-	-	(29.505.000.098)	10.494.999.902
Tăng vốn	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	(6.584.456.364)	(6.584.456.364)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(36.089.456.462)</b>	<b>63.910.543.538</b>

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	100.000.000.000	-	-	(36.089.456.462)	63.910.543.538
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	(23.898.931.025)	(23.898.931.025)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(59.988.387.487)</b>	<b>40.011.612.513</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<i>Giá trị</i> <i>31/12/2018</i>	<i>Số có khả</i> <i>năng trả nợ</i> <i>31/12/2018</i>	<i>Giá trị</i> <i>31/12/2017</i>	<i>Số có khả</i> <i>năng</i> <i>trả nợ</i> <i>31/12/2017</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>846.803.000</b>	<b>846.803.000</b>	<b>2.429.118.993</b>	<b>2.429.118.993</b>
Nhà cung cấp trong nước	846.803.000	846.803.000	2.429.118.993	2.429.118.993
<i>Công ty TNHH Cemaco Việt Nam</i>	<i>74.600.000</i>	<i>74.600.000</i>	<i>74.600.000</i>	<i>74.600.000</i>
<i>CN Công ty CP QL Sân Golf Biscom – tại tỉnh Bình Định</i>	-	-	1.365.555.340	1.365.555.340
<i>Công ty TNHH Manpower Việt Nam</i>	-	-	957.000.000	957.000.000
<i>CN Công ty CP Đầu tư Du thuyền và Sân golf FLC Biscom tại tỉnh Quảng Ninh</i>	700.000.000	700.000.000	-	-
<i>Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán</i>	60.000.000	60.000.000	-	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>12.203.000</i>	<i>12.203.000</i>	<i>31.963.653</i>	<i>31.963.653</i>
	<b>846.803.000</b>	<b>846.803.000</b>	<b>2.429.118.993</b>	<b>2.429.118.993</b>

**14. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC**

	<u>31/12/2018</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2017</u> <u>VND</u>
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	31.365.120	27.906.406
	<b>31.365.120</b>	<b>27.906.406</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Năm 2018</i> VND	<i>Năm 2017</i> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.165.467	81.314.456
	<b>8.165.467</b>	<b>81.314.456</b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm 2018</i> VND	<i>Năm 2017</i> VND
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	15.939.369.536	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	798.468.080
Chi phí khác	1.012.500	42.487.167
	<b>15.940.382.036</b>	<b>840.955.247</b>

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm 2018</i> VND	<i>Năm 2017</i> VND
Chi phí nhân viên	4.505.079.244	2.197.591.452
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	51.062.500
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	259.362.221	5.299.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.056.642.745	3.418.475.110
Chi phí bằng tiền khác	97.600.000	3.837.500
	<b>7.921.684.210</b>	<b>5.679.265.562</b>

**18. LỖ KHÁC**

	<i>Năm 2018</i> VND	<i>Năm 2017</i> VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	789.147.727
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(868.062.912)
Các khoản khác	(45.030.246)	(66.634.826)
	<b>(45.030.246)</b>	<b>(145.550.011)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(23.898.931.025)	(6.584.456.364)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>(23.898.931.025)</b>	<b>(6.584.456.364)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	4.394.521
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>10.000.000</b>	<b>4.394.521</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.390)	(1.498)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.390)	(1.498)

**20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

**20.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Khi tính toán phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán có liên quan đến chứng khoán nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng là sự ảnh hưởng của những thay đổi giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy với lãi suất không được thực hiện cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là 6.966.000.000 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của giá chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

**20.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị: VND		
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.439.809.101	-	28.439.809.101
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22.905.369.536	-	22.905.369.536
Các khoản phải thu ngắn hạn	976.905.573	-	976.905.573
	<b>52.322.084.210</b>	<b>-</b>	<b>52.322.084.210</b>
Phải trả người bán	846.803.000	-	846.803.000
	<b>846.803.000</b>	<b>-</b>	<b>846.803.000</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>51.475.281.210</b>	<b>-</b>	<b>51.475.281.210</b>

**20.4 Tài sản đảm bảo**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Thu nhập của HĐQT và Tổng Giám Đốc	271.200.000	555.653.436
	<b>271.200.000</b>	<b>555.653.436</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu



Bà Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người phê duyệt



Ông Lê Quý Hiền  
Chủ tịch HĐQT

